

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển Bác sĩ nội trú năm 2022 của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo bác sĩ nội trú;

Căn cứ Công văn số 8330/BYT-K2ĐT ngày 23 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc cải tiến thi tuyển sinh bác sĩ nội trú;

Căn cứ Công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú năm 2020;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh bác sĩ nội trú năm 2022 và Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển Bác sĩ nội trú hệ tập trung năm 2022 cho 212 (Hai trăm mười hai) học viên, thuộc 26 (hai mươi sáu) chuyên ngành của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, có danh sách kèm theo.

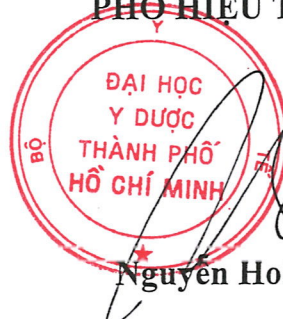
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng các Phòng chức năng, Trưởng Khoa/Bộ môn liên quan và các học viên có tên trong danh sách kèm theo ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (để b/c);
- Lưu: VT, ĐTSĐH_NĐC.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Bắc

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN BÁC SĨ NỘI TRÚ
NĂM 2022 CỦA ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH
(Kèm theo Quyết định số: 52~~76~~ /QĐ-ĐHYD ngày 26 tháng 12 năm 2022)

1. Chẩn đoán hình ảnh: 15 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
1	1	Trần Thảo	Hiệp	Nam	09/01/1998	Tiền Giang	Kinh
2	2	Nguyễn Đức	Hiếu	Nam	20/01/1998	Quảng Nam	Kinh
3	3	Lê Nguyễn Khánh	Hòa	Nữ	17/07/1998	Lâm Đồng	Kinh
4	4	Phạm Anh	Hoàng	Nam	07/10/1998	Bình Phước	Kinh
5	5	Lê Thị Bích	Nga	Nữ	06/04/1998	Quảng Ngãi	Kinh
6	6	Lương Trần Bảo	Ngân	Nữ	15/09/1998	Quảng Ngãi	Kinh
7	7	Phạm Thị	Nguyên	Nữ	08/02/1997	Lâm Đồng	Kinh
8	8	Nguyễn Thị Yên	Nhi	Nữ	08/02/1998	Bình Phước	Kinh
9	9	Nguyễn Nguyên	Phương	Nữ	28/09/1998	Đà Nẵng	Kinh
10	10	Trần Ngọc	Thiện	Nam	03/04/1998	Gia Lai	Kinh
11	11	Đỗ Thị Thanh	Thủy	Nữ	16/02/1998	Quảng Nam	Kinh
12	12	Nguyễn Song Mai	Thy	Nữ	03/11/1997	Bến Tre	Kinh
13	13	Nguyễn Thái Bảo	Trâm	Nữ	21/06/1997	Bình Định	Kinh
14	14	Trịnh Ngọc Minh	Trúc	Nữ	16/02/1998	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
15	15	Phan Cát	Tường	Nữ	28/01/1998	Khánh Hòa	Kinh

2. Chẩn thương chỉnh hình: 07 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
16	1	Võ Phan Minh	Hiếu	Nam	30/08/1998	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
17	2	Nguyễn Quang	Nguyên	Nam	10/08/1998	Bình Định	Kinh
18	3	Trần Hiệp	Nguyên	Nam	01/08/1998	Bình Định	Kinh
19	4	Phan Trọng	Nhân	Nam	09/10/1998	Bình Định	Kinh
20	5	Trần Thị Kim	Sa	Nữ	03/10/1998	Lâm Đồng	Kinh
21	6	Nguyễn Tấn	Thông	Nam	10/08/1998	Đồng Nai	Kinh
22	7	Hoàng Việt	Tiến	Nam	02/01/1998	Đắk Lắk	Kinh

3. Đa liễu: 03 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
23	1	Hoàng Thị Thu	Hương	Nữ	24/11/1998	Đắk Lắk	Kinh
24	2	Châu Hào	Nam	Nam	30/08/1998	TP. Hồ Chí Minh	Hoa
25	3	Phạm	Nguyễn	Nam	23/01/1998	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh

4. Gây mê hồi sức: 10 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
26	1	La Tuấn	Đạt	Nam	09/02/1998	Sóc Trăng	Kinh
27	2	Nguyễn Ngân	Giang	Nữ	16/04/1998	Ninh Thuận	Kinh
28	3	Nguyễn Lê Hoàng	Hải	Nữ	02/02/1998	Quảng Nam	Kinh
29	4	Hà Quốc	Hùng	Nam	24/05/1998	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh
30	5	Đỗ Thị Xuân	Miên	Nữ	15/03/1997	Quảng Ngãi	Kinh
31	6	Bùi Quang	Minh	Nam	06/08/1998	Kiên Giang	Kinh
32	7	Nguyễn Phạm Quỳnh	Như	Nữ	08/07/1997	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
33	8	Võ Chí	Phát	Nam	01/01/1998	Bình Định	Kinh
34	9	Nguyễn Hoàng	Phụng	Nam	03/01/1998	Gia Lai	Kinh
35	10	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	22/09/1998	Quảng Bình	Kinh

5. Giải phẫu bệnh: 10 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
36	1	Dương Thu	Anh	Nữ	01/07/1997	Kiên Giang	Hoa
37	2	Trương Hoàng Mỹ	Duyên	Nữ	17/06/1998	Đắk Lắk	Kinh
38	3	Huỳnh Trung	Hiếu	Nam	01/01/1998	Quảng Ngãi	Kinh
39	4	Giang Mỹ	Ngọc	Nữ	15/05/1998	TP. Hồ Chí Minh	Hoa
40	5	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	09/03/1998	Gia Lai	Kinh
41	6	Võ Lê Hồng	Nhật	Nữ	05/02/1998	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
42	7	Hồ Thị Hồng	Phát	Nữ	09/09/1998	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
43	8	Vương Huỳnh Linh	Thy	Nữ	31/05/1998	Bạc Liêu	Kinh
44	9	Lê Hồ Ngọc	Trâm	Nữ	12/10/1997	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
45	10	Hà Kiều	Trang	Nữ	16/06/1998	Đắk Lắk	Kinh

6. Hồi sức cấp cứu: 08 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
46	1	Lê Hứa Kỳ	Anh	Nam	16/08/1998	Bạc Liêu	Kinh
47	2	Nguyễn Quốc	Cường	Nam	26/10/1998	Cần Thơ	Kinh
48	3	Nguyễn Hoàng Đức	Huy	Nam	18/02/1998	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
49	4	Liêu Bảo	Khanh	Nữ	23/02/1998	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
50	5	Châu	Lâm	Nam	15/03/1998	Cà Mau	Kinh
51	6	Võ Quang	Nghĩa	Nam	25/07/1998	An Giang	Kinh
52	7	Võ Thị Mỹ	Nhật	Nữ	22/12/1998	Phú Yên	Kinh
53	8	Nguyễn Ngọc	Thạch	Nam	18/04/1998	Ninh Thuận	Kinh

7. Huyết học - Truyền máu: 11 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
54	1	Lê Minh	Chí	Nam	26/06/1998	Lâm Đồng	Kinh
55	2	Đặng Thị Hoài	Chinh	Nữ	23/12/1996	Lâm Đồng	Kinh

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
56	3	Nguyễn Vĩ	Hào	Nam	30/01/1998	An Giang	Kinh
57	4	Nguyễn Thị Hồng	Hậu	Nữ	30/04/1998	Lâm Đồng	Kinh
58	5	Phạm Thị Linh	Hương	Nữ	26/03/1998	Phú Yên	Kinh
59	6	Thạch Văn	Khang	Nam	06/11/1997	Vĩnh Long	Khmer
60	7	Lê Duy	Khương	Nam	22/02/1998	Quảng Nam	Kinh
61	8	Trần Hồng	Nhung	Nữ	20/03/1998	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh
62	9	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	14/08/1998	Quảng Trị	Kinh
63	10	Nguyễn Hiếu	Thuận	Nam	19/02/1998	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
64	11	Võ Lâm Hoàng	Vũ	Nam	30/08/1998	TP. Hồ Chí Minh	Kinh

8. Lao: 02 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
65	1	Lê Thị Diệu	Hiền	Nữ	30/10/1998	Đắk Lắk	Kinh
66	2	Lê Duy	Nhân	Nam	20/10/1998	Đà Nẵng	Kinh

9. Lão khoa: 09 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
67	1	Lương Đức	Khải	Nam	04/05/1998	Vĩnh Long	Kinh
68	2	Đỗ Thị Hoàng	Lan	Nữ	02/02/1998	Đồng Tháp	Kinh
69	3	Vũ Thị Khánh	Linh	Nữ	04/07/1998	Lâm Đồng	Kinh
70	4	Lê Trần Bảo	Ngọc	Nữ	22/10/1998	Bình Thuận	Kinh
71	5	Trần Thảo	Như	Nữ	27/09/1998	Sóc Trăng	Kinh
72	6	Lê Hữu	Phản	Nam	19/03/1998	Kiên Giang	Kinh
73	7	Trần Thiên	Phúc	Nam	01/08/1998	Phú Yên	Kinh
74	8	Võ Hoàng	Thuận	Nam	02/01/1998	Ninh Thuận	Kinh
75	9	Nguyễn Cẩm	Tú	Nữ	10/06/1998	Bình Định	Kinh

10. Ngoại khoa: 10 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
76	1	Hoàng Anh	Dũng	Nam	10/03/1998	Lâm Đồng	Kinh
77	2	Trần Bình	Dương	Nam	16/05/1998	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
78	3	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	Nam	24/06/1997	Bến Tre	Kinh
79	4	Trương Hiếu	Liêm	Nam	02/09/1998	Tây Ninh	Kinh
80	5	Nguyễn Thị Như	Ngọc	Nữ	08/06/1998	Đà Nẵng	Kinh
81	6	Trần Duy	Phước	Nam	05/04/1998	Quảng Nam	Kinh
82	7	Đỗ Hồng	Quân	Nam	11/01/1998	Hà Tĩnh	Kinh
83	8	Nguyễn Công	Thành	Nam	11/02/1997	Bình Định	Kinh
84	9	Nguyễn Đỗ Công	Thành	Nam	25/04/1998	Đắk Lắk	Kinh
85	10	Hồ Hoa	Trang	Nữ	24/02/1998	Tiền Giang	Kinh

11. Ngoại - Lòng ngực: 08 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
86	1	Lê Hải	Đặng	Nam	21/10/1998	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
87	2	Trần Quốc	Hận	Nam	02/02/1998	Quảng Ngãi	Kinh
88	3	Từ Nguyễn Tuấn	Khang	Nam	22/09/1998	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
89	4	Trần Trung	Nghĩa	Nam	17/05/1998	Trà Vinh	Kinh
90	5	Võ Thị Hồng	Ngọc	Nữ	31/12/1998	Thừa Thiên Huế	Kinh
91	6	Nguyễn Việt Gia	Thịnh	Nam	08/06/1998	Gia Lai	Kinh
92	7	Nguyễn Quốc	Trung	Nam	23/04/1998	An Giang	Kinh
93	8	Phan Thị Mỹ	Tú	Nữ	20/02/1998	Bình Định	Kinh

12. Ngoại - Nhi: 06 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
94	1	Nguyễn Thanh Thùy	Dung	Nữ	15/09/1997	Tây Ninh	Kinh
95	2	Nguyễn Việt	Hưng	Nam	27/08/1998	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
96	3	Nguyễn Trương Thị Xuân	Hướng	Nữ	23/02/1998	Bình Định	Kinh
97	4	Nguyễn Nam	Khang	Nam	01/05/1998	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
98	5	Dương Tấn	Lành	Nam	27/05/1998	Quảng Nam	Kinh
99	6	Trà Hưng	Nguyên	Nam	04/03/1997	Quảng Nam	Kinh

13. Ngoại - Thần kinh và Sọ não: 06 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
100	1	Lê Gia Quốc	Bảo	Nam	24/10/1998	Bình Định	Kinh
101	2	Nguyễn Trịnh Xuân	Hợp	Nam	22/11/1998	Quảng Bình	Kinh
102	3	Trịnh Quốc	Khánh	Nam	16/09/1998	Bạc Liêu	Kinh
103	4	Trịnh Nguyên	Khoa	Nam	12/08/1998	Đắk Lắk	Kinh
104	5	Nghiêm Dương	Luân	Nam	02/03/1998	TP. Hồ Chí Minh	Hoa
105	6	Nguyễn Phương	Nguyên	Nam	17/02/1998	Quảng Nam	Kinh

14. Ngoại - Tiết niệu: 04 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
106	1	Lý	Anh	Nam	17/09/1998	Cà Mau	Kinh
107	2	Lê Phan Nhật	Duy	Nam	22/03/1998	Vĩnh Long	Kinh
108	3	Lê Hữu	Phước	Nam	21/11/1998	Quảng Nam	Kinh
109	4	Lê Nhựt	Trung	Nam	15/08/1998	Bến Tre	Kinh

15. Nhân khoa: 04 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
110	1	Nguyễn Hữu Minh	Dũng	Nam	30/08/1998	Đà Nẵng	Kinh
111	2	Nguyễn Lê Hoàng	Nguyên	Nữ	10/07/1998	Đà Nẵng	Kinh
112	3	Hồ Xuân	Thanh	Nữ	24/08/1998	Tiền Giang	Kinh
113	4	Trịnh Phú	Tùng	Nam	08/12/1998	Quảng Bình	Kinh

16. Nhi khoa: 14 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
114	1	Nguyễn Văn	Đồng	Nam	09/05/1998	Bình Định	Kinh
115	2	Nguyễn Hoàng	Dung	Nữ	15/01/1997	Lâm Đồng	Kinh
116	3	Phạm Tiến	Dũng	Nam	10/02/1998	Đắk Lắk	Kinh
117	4	Nguyễn Mai Cẩm	Giang	Nữ	07/10/1998	Bến Tre	Kinh
118	5	Phạm Trọng	Hiếu	Nam	15/07/1997	Tây Ninh	Kinh
119	6	Lưu Tuyết	Hoa	Nữ	25/08/1998	Sóc Trăng	Kinh
120	7	Trịnh Quang	Huy	Nam	04/05/1998	Quảng Ngãi	Kinh
121	8	Võ Minh Thuý	Ngân	Nữ	22/09/1998	Gia Lai	Kinh
122	9	Trần Lâm Tú	Quyên	Nữ	05/01/1998	Thừa Thiên Huế	Kinh
123	10	Nguyễn Võ Thanh	Thiện	Nam	01/04/1998	Tiền Giang	Kinh
124	11	Huỳnh Trường	Thịnh	Nam	25/11/1998	Trà Vinh	Kinh
125	12	Trần Đình	Toàn	Nam	10/01/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh
126	13	Trần Thị Bích	Ty	Nữ	08/06/1998	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
127	14	Đặng Văn	Vương	Nam	17/03/1998	Nghệ An	Kinh

17. Nội khoa: 10 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
128	1	Nguyễn Đức	Duy	Nam	09/01/1998	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
129	2	Trần Thị Ngọc	Hà	Nữ	24/01/1998	Bến Tre	Kinh
130	3	Đỗ Nhật	Huy	Nam	11/04/1998	Bình Định	Kinh
131	4	Nguyễn Thị Thùy	Na	Nữ	24/02/1997	Quảng Nam	Kinh
132	5	Nguyễn Đăng	Nghị	Nam	28/07/1998	Đà Nẵng	Kinh
133	6	Đào Đức	Quang	Nam	10/03/1998	Lâm Đồng	Kinh
134	7	Dương Thị	Thanh	Nữ	02/05/1998	Hà Tĩnh	Kinh
135	8	Nguyễn Thị	Thao	Nữ	05/08/1998	Quảng Ngãi	Kinh
136	9	Lê Quang	Trường	Nam	04/02/1998	Hà Tĩnh	Kinh
137	10	Khưu Hoàng	Việt	Nam	19/11/1998	TP. Hồ Chí Minh	Hoa

18. Nội tiết: 04 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
138	1	Đỗ Thị Hương	Giang	Nữ	04/05/1998	Đắk Lắk	Kinh
139	2	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	20/11/1998	Long An	Kinh
140	3	Huỳnh Hiệp	Thuận	Nam	16/04/1998	An Giang	Kinh
141	4	Đỗ Thị Thùy	Tiên	Nữ	28/10/1998	Đắk Lắk	Kinh

19. Phục hồi chức năng: 08 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
142	1	Bùi Quỳnh	Anh	Nữ	22/05/1998	Nghệ An	Kinh

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
143	2	Nguyễn Hoàng Trâm	Anh	Nữ	22/01/1998	Đồng Tháp	Kinh
144	3	Tô Đình	Cường	Nam	26/10/1997	Thanh Hóa	Kinh
145	4	Ngô Tường	Đoan	Nữ	12/12/1998	Trà Vinh	Kinh
146	5	Nguyễn Huỳnh	Phúc	Nam	01/06/1998	Vĩnh Long	Kinh
147	6	Trần Thanh	Sang	Nam	26/09/1998	Đắk Lắk	Kinh
148	7	Huỳnh Quốc	Thái	Nam	25/02/1997	Đồng Tháp	Kinh
149	8	Nguyễn Minh	Vương	Nam	22/03/1998	Đắk Lắk	Kinh

20. Răng - Hàm - Mặt: 17 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
150	1	Mai Thanh	Đạt	Nam	13/01/1998	Tiền Giang	Kinh
151	2	Nguyễn Lê	Duy	Nam	21/07/1998	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
152	3	Nguyễn Hoàng Ngọc	Hiệp	Nam	08/02/1998	Lâm Đồng	Kinh
153	4	Đặng Quang	Hưng	Nam	08/11/1998	Phú Yên	Kinh
154	5	Phạm Đình Thiên	Khải	Nam	30/09/1997	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
155	6	Nguyễn Minh	Khánh	Nam	19/08/1998	Vĩnh Long	Kinh
156	7	Nguyễn Vũ	Khánh	Nam	28/09/1998	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
157	8	Vũ Bùi Khánh	Linh	Nữ	24/06/1998	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh
158	9	Nguyễn Thanh	Luân	Nam	15/01/1998	Quảng Trị	Kinh
159	10	Nguyễn Thành	Luân	Nam	04/04/1998	Bình Định	Kinh
160	11	Lê Thanh	Nguyên	Nam	16/02/1998	Đắk Lắk	Kinh
161	12	Nguyễn Đình Minh	Nhật	Nam	21/11/1998	Đà Nẵng	Kinh
162	13	Trần Cao	Nhiệm	Nam	03/10/1998	Vĩnh Long	Kinh
163	14	Nguyễn Ngọc Hoàng	Oanh	Nữ	09/11/1998	Tiền Giang	Kinh
164	15	Trần Đỗ Minh	Thi	Nữ	27/11/1997	Khánh Hòa	Kinh
165	16	Hồ Sĩ	Tín	Nam	20/05/1997	Thừa Thiên Huế	Kinh
166	17	Nguyễn Thu	Trà	Nữ	21/09/1998	Lâm Đồng	Kinh

21. Sản phụ khoa: 06 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
167	1	Nguyễn Thị	Hào	Nữ	10/10/1998	Đắk Lắk	Kinh
168	2	Lê Thái Thanh	Khuê	Nữ	25/02/1998	Bình Định	Kinh
169	3	Nguyễn Huỳnh Như	Phương	Nữ	15/05/1998	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
170	4	Trần Hoài	Tây	Nam	02/11/1998	Quảng Nam	Kinh
171	5	Phí Thái	Thuận	Nam	25/08/1992	Bình Thuận	Kinh
172	6	Võ Việt	Tín	Nam	01/01/1998	Tiền Giang	Kinh

6

22. Tai Mũi Họng: 08 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
173	1	Trần Nguyễn Xuân	An	Nam	12/02/1998	Bình Dương	Kinh
174	2	Nguyễn Khánh	Dư	Nam	04/12/1998	Vĩnh Long	Kinh
175	3	Võ Hương	Duyên	Nữ	26/07/1998	Đắk Lắk	Kinh
176	4	Văn Trình Ngọc	Khánh	Nữ	10/03/1998	Bình Định	Kinh
177	5	Quách Thiều	Minh	Nam	29/01/1998	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
178	6	Võ Trần Nhật	Minh	Nam	02/02/1998	Đắk Lắk	Kinh
179	7	Đàm Quang	Thành	Nam	18/01/1998	Đắk Lắk	Kinh
180	8	Đinh Phương	Vũ	Nam	18/11/1998	Bình Định	Kinh

23. Thần kinh: 10 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
181	1	Phạm Nguyễn Duy	Bình	Nam	27/09/1998	Đắk Lắk	Kinh
182	2	Nguyễn Trần Minh	Chiến	Nam	13/12/1998	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
183	3	Phạm Thanh	Duy	Nam	19/10/1998	Long An	Kinh
184	4	Võ Thành	Duy	Nam	18/10/1998	Đà Nẵng	Kinh
185	5	Đặng Đăng	Khôi	Nam	12/10/1998	Bến Tre	Kinh
186	6	Lê Quang	Lộc	Nam	07/06/1998	Quảng Ngãi	Kinh
187	7	Tô Thị Bích	Phượng	Nữ	30/04/1997	Bình Định	Kinh
188	8	Phạm Đình	San	Nam	25/01/1998	Đắk Lắk	Kinh
189	9	Nguyễn Đức	Thắng	Nam	10/10/1998	Vĩnh Long	Kinh
190	10	Lê Kha	Trí	Nam	16/01/1998	Quảng Ngãi	Kinh

24. Truyền nhiễm: 05 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
191	1	Chu Thị Mỹ	Hiền	Nữ	02/01/1997	Đắk Lắk	Tày
192	2	Nguyễn Hoàng	Nhi	Nữ	22/09/1998	Bình Phước	Kinh
193	3	Phan Minh	Quân	Nam	06/09/1998	Đắk Lắk	Kinh
194	4	Nguyễn Cao Khôi	Sang	Nữ	06/11/1998	Bình Định	Kinh
195	5	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Trân	Nữ	25/04/1998	Bạc Liêu	Kinh

25. Ung thư: 06 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
196	1	Lưu Chính	Hữu	Nam	21/07/1998	Lâm Đồng	Kinh
197	2	Nguyễn Vũ Hoài Lan	Luynh	Nam	24/10/1998	Bình Thuận	Kinh
198	3	Phan Văn	Mạnh	Nam	01/01/1995	Nghệ An	Kinh
199	4	Phạm Nguyễn Diệu	Thùy	Nữ	30/11/1997	Kiên Giang	Kinh
200	5	Nguyễn Hà	Trang	Nữ	06/03/1998	Gia Lai	Kinh
201	6	Đỗ	Văn	Nam	11/06/1998	Đắk Lắk	Kinh

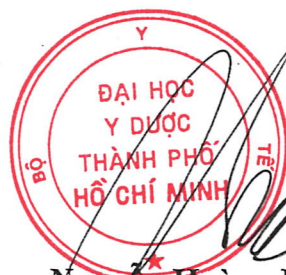
26. Y học cổ truyền: 11 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
202	1	Đỗ Nguyễn Thanh	An	Nam	06/02/1998	Lâm Đồng	Kinh
203	2	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	20/08/1998	Đồng Nai	Kinh
204	3	Đoàn Thị Thùy	Hiên	Nữ	18/11/1998	Bến Tre	Kinh
205	4	Nguyễn Diệu	Hiên	Nữ	14/12/1997	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
206	5	Võ Thị Ngọc	Huyền	Nữ	05/11/1998	Tiền Giang	Kinh
207	6	Võ Hoàng	Ích	Nam	16/05/1998	Phú Yên	Kinh
208	7	Nguyễn Thảo	Lam	Nữ	13/12/1998	An Giang	Kinh
209	8	Lê Phương	Linh	Nữ	05/02/1998	Khánh Hòa	Kinh
210	9	Đỗ Đức	Lý	Nam	20/10/1998	Đắk Lắk	Kinh
211	10	Lê Thị Hà	Trang	Nữ	07/05/1996	Bình Định	Kinh
212	11	Ngô Hoàng	Yên	Nữ	23/10/1998	Đồng Nai	Kinh

Ấn định danh sách công nhận trúng tuyển Bác sĩ nội trú năm 2022 của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh là 212 (hai trăm mười hai) học viên thuộc 26 (hai mươi sáu) chuyên ngành./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Bắc